TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thiện;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 454/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ch, sinh năm 1984; trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; tạm trú: 16/C8 khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Hà Quang M, sinh năm 1977; trú tại: H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; tạm trú: 15/A9 khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Trịnh Thị Chuyên trình bày:

Bà Trịnh Thị C và ông Hà Quang M tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 Quyển số 02 ngày 20 tháng 3 năm 2006. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung tên Hà Quang H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006, Hà An B, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Hà Văn K, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, sống chung được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau làm cho không khí gia đình ngày càng nặng nề. Cuộc sống thường ngày, ông M thường xuyên bỏ nhà đi đá gà, không chăm sóc cho vợ con. Bà C đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về sống chung nhưng cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Bà C xác định không còn tình cảm gì với ông M, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ hạnh phúc được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông M.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 người con chung tên Hà Quang H, Hà An B và Hà Văn K. Bà C không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy khai sinh con và các tài liệu có liên quan.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Trịnh Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Hà Quang Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để cung cấp tài liệu, chứng cứ, lời khai, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy mặc dù ông Hà Quang M không đến Tòa án làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng qua xác minh tại địa phương, lời trình bày của nguyên đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; về con chung: Do ông M ít chăm sóc con nên giao con cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Quang H; về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Hà Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án và

giấy triệu tập để làm việc; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu để tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn bà Trịnh Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trịnh Thị C và ông Hà Quang M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét phần trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ, xô xát lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường bỏ nhà đi, không chăm sóc cho con cái và gia đình. Lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh nơi đương sự cư trú.

Bị đơn ông Hà Quang M đã được Toà án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Toà án xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng ông M đã vi phạm quy định này. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Trịnh Thị C và ông Hà Quang M là trầm trọng, vợ chồng không còn chăm sóc cho nhau, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên về việc cho bà Trịnh Thị C được ly hôn với ông Hà Quang M.

Về con chung: Bà Trịnh Thị C và ông Hà Quang M có con chung là Hà Quang H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006, Hà An B, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Hà Văn K, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018. Bà C yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con. Yêu cầu này của bà Chuyên là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Quang H nên Tòa án giao các cháu Hà Quang H, Hà An B và Hà Văn K cho bà Chuyên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị C về việc xin ly hôn với ông Hà Quang M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị C được ly hôn với ông Hà Quang M.

Về con chung: Giao cho bà Trịnh Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Quang H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006, Hà An B, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Hà Văn K, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị C không yêu cầu ông Hà Quang M phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Bà Trịnh Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0055378ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ